DỰ ÁN CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ THAY ĐỔI ĐỜI SỐNG CỦA NHÓM XÃ HỘI YẾU THẾ Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM*

NGUYỄN ĐỨC CHIỆN

1. Tổng quan

Dự án có sự tham gia của cộng đồng trong bài viết này với tên gọi là Dự án "*Các cơ chế cộng đồng trong việc giảm thiểu tác động của HIV/AIDS tại Việt Nam*" (từ đây viết tắt là Dự án) được triển khai trong vòng 4 năm, từ tháng 10 năm 2005 đến tháng 10 năm 2009. Đây là dự án do Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Người cao tuổi Việt Nam, Trường đại học Y Thái Nguyên, Trung tâm nghiên cứu trợ giúp người cao tuổi, Trung tâm phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV/AIDS đồng phối hợp thực hiện, với sự vận động và tài trợ của tổ chức Hỗ trợ Người cao tuổi Quốc tế (HAI). Dự án được triển khai tại 67 cộng đồng thuộc 4 tỉnh, thành phố ở miền Bắc Việt Nam, với mục đích cải thiện tình trạng sức khoẻ và đời sống của những gia đình có người bị ảnh hưởng bởi AIDS và giảm nguy cơ lây nhiễm HIV, trên cơ sở đó sẽ tiếp tục mở rộng dự án hỗ trợ ra các cộng động khác của địa phương và trên toàn quốc. Các hoạt động chính của dự án tập trung tại cộng đồng thông qua mô hình của dự án là Câu lạc bộ Đồng cảm Người cao tuổi. Dự án, các cán bộ địa phương và các thành viên thuộc nhóm xã hội yếu thế trong các cộng đồng [là phụ nữ, người cao tuổi (NCT), có thân nhân nhiễm HIV/AIDS, hoàn cảnh kinh tế khó khăn] được cùng tham gia thiết kế, trực tiếp quản lý các hoạt động của dự án. Các hoạt động của dự án tương đối đa dạng: tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức về tác động của AIDS đối với NCT; chăm sóc và hỗ trợ cho người sống chung với HIV và NCT bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, mô hình cho thành viên trong câu lạc bộ vay vốn tăng thu nhập cho gia đình và tư vấn về hoạt động tăng thu nhập phù hợp; xây dựng năng lực cho các cơ quan thực hiện dự án ở cấp cơ sở và các địa phương triển khai dự án. Kết quả xử lý và phân tích số liệu định tính và định lượng của đợt đánh giá cuối dự án (tháng 8 năm 2009)[1] cho thấy, dự án đã có những tác động tích cực làm thay đổi cơ bản đời sống của nhóm xã hội yếu thế trong vùng dự án.

Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả chỉ đề cập tới ảnh hưởng của mô hình quỹ tín dụng của dự án đến thay đổi trong hoạt động kinh tế (thu nhập, chi tiêu) của gia đình nhóm xã hội yếu thế; mô hình tuyên truyền, tập huấn và sự thay đổi nhận thức, hành vi chăm sóc sức khỏe của nhóm xã hội yếu thế, cũng như thay đổi nhận thức, thái độ và sự tham gia của các nhóm xã hội trong vùng dự án. Qua đó cung cấp một bằng chứng thực tiễn về thành công của Dự án có tham gia của cộng đồng, giúp các nhà nghiên cứu và

* Bài viết dựa trên kết quả đánh giá cuối kỳ Dự án VIE 011 do tác giả viết báo cáo. Báo cáo được tác giả hoàn thiện tại Viện Xã hội học vào cuối tháng 8/2009.

[1] Mẫu định lượng: 3.487 thành viên câu lạc bộ, 100 tình nguyện viên của câu lạc bộ, 67 Ban Chủ nhiệm, 32 cán bộ lãnh đạo địa phương, 200 người bị nhiễm HIV và có nguy cơ cao. Mẫu định tính: 4 cuộc thảo luận nhóm, 16 phỏng vấn sâu.

phát triển cộng đồng cũng như giới quản lý hoạch định chính sách ở nước ta có cách nhìn và tiếp cận mới đối với sự phát triển nhóm yếu thế và cộng đồng nghèo hiện nay.

2. Địa bàn triển khai dự án

Các địa bàn được lựa chọn đa dạng về địa lý và dân tộc. Như chúng tôi đã dẫn trong phần chú thích, 67 cộng đồng đã được chọn để triển khai dự án là các xã, phường thuộc 4 tỉnh, thành phố của miền Bắc Việt Nam, gồm Hà Nội, Nam Định, Quảng Ninh và Thái Nguyên. Đây là các tỉnh, thành phố đại diện cho các vùng có số lượng người nhiễm HIV cao nhất ở phía Bắc Việt Nam. Các hoạt động dự án triển khai ở các cộng đồng nông thôn và thành thị có số lượng đáng kể người nghiện ma tuý và gái mại dâm cũng như có số lượng lớn người di cư, qua lại. NCT ở những nơi này đang phải gánh vác những công việc nặng nề: chăm sóc con cái bị nhiễm HIV/AIDS và những đứa cháu mồ côi do bố mẹ chúng đã chết vì căn bệnh AIDS.

3. Kết quả nghiên cứu

Mặc dù với số vốn đầu tư còn hạn chế và thời gian thực hiện trong 4 năm, nhưng Dự án đã có tác động toàn diện đến các mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là đời sống của các nhóm xã hội yếu thế trong vùng dự án. Trong đó, thay đổi kiến thức, thái độ và hành vi của cộng đồng và xã hội liên quan đến HIV/AIDS và vấn đề NCT và HIV/AIDS; cải thiện tình trạng sức khoẻ và điều kiện thu nhập cho NCT và thân nhân của họ, đặc biệt là nhóm phụ nữ cao tuổi nghèo; giảm thiểu các nguy cơ lây nhiễm HIV, tiêm chích ma tuý trong cộng đồng; môi trường sống và điều kiện chăm sóc sức khoẻ (từ đây viết tắt là CSSK) trong cộng đồng được cải thiện; tăng cường sự tương thân tương ái hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong cộng đồng; các văn bản, luật pháp chính sách của Đảng và Nhà nước được quán triệt, phổ biến tốt hơn đến người dân và các nhóm đối tượng. Năng lực và uy tín của cán bộ xã phường và các đoàn thể liên quan tăng lên đáng kể. Dưới đây chúng tôi sẽ lần lượt trình bày tác động của dự án đến nhóm xã hội yếu thế trong vùng dự án.

3.1. Mô hình tín dụng vi mô và hiệu quả đối với thu nhập và chi tiêu của hộ gia đình

Trước khi có Dự án, đa số NCT có thân nhân là người nhiễm HIV và nhóm nguy cơ cao thuộc nhóm gia đình nghèo trong cộng đồng. Phần lớn trong số đó chưa thể tiếp cận các dịch vụ vay vốn của các ngân hàng như Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... do không có tài sản thế chấp. Vì vậy, một trong những mục tiêu của Dự án là triển khai hoạt động vay vốn nhằm giúp NCT, thành viên câu lạc bộ (TVCLB) tiếp cận với vốn vay tín dụng vi mô cá nhân hoặc vốn vay theo nhóm phát triển sản xuất, tăng thu nhập, cải thiện điều kiện sống cho gia đình và tiếp cận các dịch vụ xã hội.

Kết quả khảo sát đánh giá cuối dự án cho thấy phần lớn TVCLB đồng cảm cho biết đã được tiếp cận với dịch vụ vay vốn từ các tổ chức khác nhau ở địa phương. Cụ thể, có 2.267 (chiếm 65%) TVCLB trong mẫu phỏng vấn thừa nhận được vay vốn từ nhiều nguồn khác nhau. Trong đó, 2.121 (93,6%) thành viên vay từ câu lạc bộ đồng cảm, 444 người (chiếm 19,6%) vay từ Hội Phụ nữ, 227 người (chiếm 12,2%) vay từ ngân hàng, 53 người (chiếm 2,3%) vay từ các hội, đoàn thể khác, 27 người (chiếm 1,2%)

vay từ Hội Người cao tuổi, 10 người (chiếm 0,4%) vay tư nhân.

Bên cạnh việc giúp các TVCLB tiếp cận nguồn vốn vay, cán bộ Dự án còn hướng dẫn câu lạc bộ (CLB) tổ chức các hoạt động tập huấn/chia sẻ kinh nghiệm nhằm tăng thu nhập và nâng cao năng lực phát triển sản xuất cho các thành viên được vay vốn. Vì vậy, Dự án đã thu hút được sự tham gia nhiệt tình của các TVCLB. Về tập huấn, hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm có 3.294 (chiếm 94,5%) thành viên trả lời có tham gia, chỉ có một số ít không tham gia (2,8%) và một số khác không nhớ (2,6%). Về tập huấn, giới thiệu mô hình tín dụng tiết kiệm (vốn vay, cơ chế vay, hoàn trả lãi, gửi tiết kiệm...): có 3.332 (chiếm 95,6%) TVCLB cho biết có tham gia hoạt động này, chỉ có 2,0% thành viên không tham gia, 2,2% thành viên không nhớ.

3.1.1. Thu nhập của hộ gia đình

Sau các cuộc tập huấn vừa nêu trên, Dự án cũng rất quan tâm đến việc các TVCLB sử dụng vốn vay như thế nào. Kết quả khảo sát cho thấy những người được vay vốn sử dụng tiền được vay vào nhiều mục đích khác nhau: kinh doanh, buôn bán nhỏ (1.202 người - chiếm 53%); chăn nuôi [hơn 1/3 (37,5%) tổng số thông tín viên]; phát triển trồng trọt (319 người - 14,1%); sản xuất hàng thủ công (80 người - 3,5%); mục đích khác (231 người - 10,2%). Đây là một kết quả rất đáng mừng vì hầu hết TVCLB đã sử dụng nguồn vốn đúng mục đích và đạt được mục tiêu của Dự án là tập trung vào các hoạt động phát triển kinh tế nhằm tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho hộ gia đình.

Việc sử dụng vốn vay vào các hoạt động phát triển sản xuất có hiệu quả kinh tế như thế nào? Kết quả đánh giá cuối kỳ cho thấy hầu hết (96,2%) thành viên vay vốn của CLB cho biết khoản vay đó giúp tăng thu nhập, trong khi chỉ còn một tỷ lệ rất nhỏ (2,9%) cho biết không tăng thu nhập, và 0,1% trả lời thu nhập giảm đi so với trước. Như vậy, nhìn chung vốn vay đã có hiệu quả đối với đại bộ phận những người được vay vốn, giúp họ tăng thu nhập và cải thiện kinh tế hộ. Một số ít hộ không phát huy được hiệu quả nguồn vốn vay chủ yếu là do khoản vay ít (94% thông tín viên thừa nhận), đầu tư không đúng mục đích (31,3%), dịch bệnh và thiên tai (22,4%), không biết cách làm ăn (20,9%), và lý do khác (20,9%).

Có thể nói, thành công của Quỹ tín dụng vi mô của Dự án là bên cạnh việc giúp các thành viên tiếp cận nguồn vốn vay, Dự án còn tập huấn, hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm về các hoạt động tăng thu nhập nhằm nâng cao năng lực phát triển sản xuất cho các thành viên được vay vốn. Điều kiện vay và quy chế hoàn trả vốn và trả lãi của quỹ tín dụng dự án có nhiều ưu thế xã hội hơn các điều khoản tương ứng của các ngân hàng nhà nước. Chính những ưu thế này đã góp phần vào thành công của hoạt động vay vốn. Đây là mô hình vay vốn có hiệu quả, phần lớn TVCLB vay vốn được phỏng vấn đều biết áp dụng kiến thức từ các khóa tập huấn và phát triển kinh tế gia đình. Mô hình tín dụng vi mô này cần phổ biến rộng cho các dự án và cộng đồng khác tham khảo. Tuy nhiên, khảo sát cũng cho thấy một số hộ sử dụng vốn sai mục đích, mức quy định số tiền vay của Dự án vẫn còn hạn chế, do vậy đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của Dự án.

3.1.2. Thay đổi cơ cấu chi tiêu của hộ gia đình

Khi mức thu nhập của hộ gia đình TVCLB được nâng cao do hiệu quả của sử

dụng vốn vay phát triển sản xuất kinh doanh, tất yếu dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu và hành vi chi tiêu. Vậy hiện nay hộ gia đình TVCLB có hành vi chi tiêu như thế nào? Kết quả khảo sát cuối dự án cho thấy cơ cấu và hành vi chi tiêu của gia đình TVCLB rất đa dạng: mua lương thực, thực phẩm (94,8% thông tín viên thừa nhận); chăm sóc sức khoẻ, mua thuốc (91,5%); học hành của các thành viên gia đình (38,3%); quỹ chung của gia đình (53,9%); đầu tư sản xuất, kinh doanh (34%); mua sắm các tài sản, vật dụng trong gia đình (23,9%). Cơ cấu và tỷ lệ chi tiêu cho các khoản này đã thay đổi và nâng lên hơn nhiều so với thời điểm khảo sát cơ bản ban đầu của dự án: cơ cấu chi tiêu của gia đình chủ yếu chi cho hoạt động ăn uống, các khoản chi khác không đáng kể. Như vậy, việc sử dụng nguồn thu nhập vào các hoạt động chi tiêu của các TVCLB đã nâng mức chi cho việc ăn uống, tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ xã hội như thuốc thang CSSK và học hành. Đây cũng chính là một trong những mục đích mà Dự án muốn đạt đến.

Có thể khẳng định là hiệu quả của sử dụng vốn vay đến tăng thu nhập đã trực tiếp tác động đến cơ cấu và hành vi chi tiêu của hộ gia đình thành viên trong câu lạc bộ đồng cảm. Điều đáng quan tâm là việc cải thiện thu nhập đã giúp gia đình TVCLB tiếp cận các dịch vụ xã hội tốt hơn. Nếu trước Dự án, do thu nhập thấp nên hoạt động chi tiêu của hộ gia đình cho các khoản hầu như không có gì. Nhưng khi nguồn vốn vay của Dự án được chuyển đến CLB , thu nhập của hộ gia đình TVCLB tăng lên và cơ cấu chi tiêu của họ cũng thay đổi theo hướng tích cực, đáp ứng mục tiêu Dự án đề ra.

3.2. Mô hình tập huấn và sự thay đổi hành vi chăm sóc sức khoẻ

Tại các vùng Dự án, người cao tuổi có thân nhân là đối tượng nhiễm HIV, nhóm nguy cơ cao thường có tình trạng sức khoẻ không tốt. Dự án đã giúp người cao tuổi và thân nhân của họ cải thiện tình trạng sức khoẻ thông qua việc tiếp cận nhiều hơn với dịch vụ CSSK tại nhà và tại trung tâm y tế. Dự án cùng CLB đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, nói chuyện về kỹ năng CSSK tại nhà, kỹ năng phòng tránh lây nhiễm HIV cho các TVCLB. Kết quả khảo sát cuối dự án cho thấy: về tập huấn, có 3.472 TVCLB cho biết đã được tập huấn hoặc nghe nói chuyện về HIV/AIDS do CLB tổ chức. Về tự CSSK cho bản thân, CSSK tại nhà: có 3.458 TVCLB cho biết được CLB truyền thông hoặc nghe nói chuyện về tự CSSK cho bản thân, CSSK tại nhà (phòng tránh các bệnh thường gặp, chế độ dinh dưỡng...). Về tư vấn CSSK thông qua CLB, có 3.038 (chiếm 87,1%) thành viên cho biết đã được tư vấn CSSK sau khi khám, 11,4% được tư vấn tại nhà, 1,1% không có nhu cầu, và chỉ có 0,3% không được tư vấn.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy trung bình số lần tham gia khám chữa bệnh của TVCLB là 3,53 lần; một tỷ lệ rất cao TVCLB cho biết thường xuyên tập thể dục - 2.297 người (65,9%), thỉnh thoảng tập - 917 người (26,3%), và không bao giờ tập - 257 người (7,4%). Xử lý kết quả bảng hỏi dành cho nhóm tình nguyện viên ngoài CLB cũng cho thấy có 90% người cho biết có tham gia tập huấn, trong đó có 69% được tập huấn nội dung về kỹ năng CSSK tại nhà.

Có thể nói, hoạt động tập huấn, tuyên truyền về kỹ năng CSSK tại nhà cho các

TVCLB và tình nguyện viên đã có tác động mạnh đến kiến thức và hành vi của thành viên trong và ngoài CLB đối với việc CSSK. Điều này được phản ánh rất rõ về việc đánh giá chỉ báo này trước và sau dự án. Khi hỏi kiến thức ông/bà hiện nay về tự CSSK tại nhà và tự phòng tránh HIV/AIDS như thế nào so với trước khi tham gia CLB, kết quả có 2.888 người (chiếm 82,8%) trả lời tốt hơn nhiều, 14,6% trả lời tốt hơn một chút, và chỉ có 2,2% trả lời vẫn như trước. Đối với phần lớn các thành viên là người cao tuổi bị ảnh hưởng bởi HIV, đây là một tác động rất lớn. Về kỹ năng thực hành tự CSSK tại nhà của các TVCLB: có 3.177 người (chiếm 91,1%) cho biết hiện nay đã thực hành tự CSSK tại nhà. Về tình trạng sức khoẻ trong 12 tháng qua: có 9,7% tốt hơn trước nhiều, 28,8% tốt hơn trước chút ít, 39,4% vẫn như trước, và chỉ có 19,4% kém hơn, 2,7% rất kém.

3.3. Mô hình tuyên truyền, thăm hỏi và sự nâng cao nhận thức của cộng đồng về vấn đề NCT và HIV/AIDS được nâng cao

Tại các cộng đồng thuộc dự án, phần lớn NCT có thân nhân nhiễm HIV và nguy cơ cao có trình độ học vấn thấp và thiếu kiến thức về phòng tránh lây nhiễm HIV. Nhằm giúp NCT, những người phụ thuộc vào họ và cộng đồng, đặc biệt là nhóm nguy cơ cao, được giảm các nguy cơ lây nhiễm HIV, Dự án đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng.

Khảo sát cuối dự án cho thấy hoạt động này đã có tác động đáng kể đến nhận thức của thành viên tham gia CLB đồng cảm. Có 3.469 (chiếm 99,5%) thành viên trong mẫu khảo sát trả lời có biết thông tin về HIV, trong đó có 3.463 người (99,3%) biết thông tin HIV qua CLB đồng cảm. Về kiến thức phòng tránh HIV/AIDS: có 3.451 người (99%) không dùng chung bơm kim tiêm, 3.418 người (chiếm 98%) cho biết sử dụng bao cao su đúng cách khi quan hệ tình dục, 3.249 (93,2%) cả vợ và chồng sống chung thuỷ, 2.679 (76,8%) phụ nữ mang thai bị nhiễm HIV sử dụng thuốc kháng vi-rút, 2,3% tuyệt đối không chạm vào các vật của người nhiễm HIV, 1,1% không để bị muỗi đốt.

Xử lý kết quả phỏng vấn 201 đối tượng nhiễm HIV và nguy cơ cao cũng cho thấy có 197 người (98%) trả lời có biết thông tin về HIV. Về kiến thức phòng tránh HIV/AIDS, có 179 người (89,1%) cho biết sử dụng bao cao su đúng cách khi quan hệ tình dục, 167 người (83,1%) cho biết không dùng chung bơm kim tiêm, 63 người (31,3%) cho biết cả vợ và chồng sống chung thuỷ, không có đối tượng nào cho biết kiến thức phòng tránh là không bắt tay, động vào cơ thể người nhiễm HIV, không để muỗi đốt...

Kết quả phỏng vấn nhóm lãnh đạo địa phương cũng cho thấy có 96,9% số người trả lời cho biết người cao tuổi và CLB có đóng góp trong việc nâng cao nhận thức của cộng đồng về cách phòng tránh lây nhiễm HIV.

3.4. Giảm đối tượng nghiện hút trong cộng đồng

Không chỉ nâng cao kiến thức cho cộng đồng, đặc biệt là người cao tuổi và thân nhân của họ trong việc phòng tránh lây nhiễm HIV, mà các hoạt động tuyên truyền của Dự án còn tác động gián tiếp vào việc kiềm chế và giảm số đối tượng nghiện hút trong cộng đồng. Các thông tin phỏng vấn được trích dẫn dưới đây sẽ cho thấy rõ hơn về vấn đề này.

Hộp 1. Giảm đối tượng nghiện hút từ khi có Dự án

- Từ khi CLB đồng cảm NCT đi vào hoạt động thì số nghiện hút trên địa bàn giảm hẳn và không phát sinh đối tượng nghiện mới (Nam, thảo luận nhóm Ban chủ nhiệm CLB phường Quang Trung, Thái Nguyên).

- Trong 4 năm qua địa phương không có đối tượng nghiện ma túy mới. Số người nghiện và số người đi xét nghiệm HIV nhiều hơn. Đã có sự thay đổi nhận thức hành vi (Nam, Phó chủ tịch phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên).

- Do làm tốt công tác tuyên truyền ở đây nên nhiều cháu nghiện đã cai nghiện tại nhà, hoặc tại trung tâm. Cai được về nhà tu chí làm ăn kinh tế thành công (Nữ, thảo luận nhóm Ban chủ nhiệm CLB phường Quang Trung, Thái Nguyên).

3.5. Giảm kỳ thị trong gia đình và cộng đồng, tăng tính cố kết xã hội

Thái độ kỳ thị đối với người nhiễm HIV ở trong gia đình và cộng đồng là vấn đề nổi cộm tại các địa bàn trước khi Dự án được triển khai ở những địa bàn thí điểm. Vì vậy, một trong những mục tiêu của Dự án là các hoạt động của Dự án sẽ góp phần giảm thiểu và tiến tới xóa bỏ vấn nạn phân biệt đối xử/kỳ thị đối với những người nhiễm HIV ở các địa phương Dự án hoạt động. Vậy sau bốn năm triển khai Dự án vấn đề phân biệt đối xử/kỳ thị này tiến triển như thế nào?

Kết quả khảo sát cuối kỳ cho thấy đa số (92,7%) TVCLB cho rằng từ sau khi CLB đồng cảm thành lập đến nay mức độ phân biệt đối xử/kỳ thị ở địa phương đối với những người bị nhiễm HIV và gia đình họ giảm nhiều, trong khi chỉ còn số ít (6,1%) thành viên trả lời giảm ít, 0,4% cho rằng vẫn như trước, và 0,1% cho rằng tăng ít. Kết quả xử lý phỏng vấn nhóm nhiễm HIV và nguy cơ cao tiếp tục minh chứng về xu hướng suy giảm kỳ thị đối với người nhiễm HIV trong cộng đồng triển khai dự án: giảm nhiều (44,8% người được hỏi), giảm ít (19,9%), vẫn như trước (23,4%), và tăng ít (3%).

Về mức độ kỳ thị đối với người nhiễm HIV trong gia đình: Khi hỏi trong gia đình anh/chị, mọi người đối xử như thế nào đối với người nhiễm HIV, chúng tôi thu được kết quả sau: quan hệ bình thường (78,6%), sẵn sàng chia sẻ (14,4%), không quan hệ hoặc hạn chế quan hệ với người nhiễm HIV (khoảng 1%).

Như vậy, các hoạt động của Dự án và CLB đã có tác động đáng kể trong việc giảm nạn phân biệt đối xử/kỳ thị đối với người nhiễm HIV tại các địa phương triển khai Dự án. Với kết quả này chúng ta có thể khẳng định là Dự án đã đạt được các kết quả mong đợi ban đầu. Điều đáng quan tâm là từ việc giảm phân biệt đối xử/kỳ thị đã có tác động đáng kể đến sự đoàn kết và an ninh trật tự trong các cộng đồng hưởng lợi từ Dự án.

3.6. Tinh thần NCT được cải thiện

Kết quả nghiên cứu định tính (phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm) cho thấy việc Dự án triển khai mạnh hoạt động tuyên truyền, thăm hỏi động viên các thành viên trong và ngoài CLB đã tác động đến đời sống tinh thần của NCT có thân nhân là đối tượng nhiễm HIV, nguy cơ cao.

Hộp 2. Tinh thần phụ nữ cao tuổi được cải thiện

- Tham gia vào CLB rất vui! Ban đầu mình muốn gần họ nhưng họ không muốn gần mình. Bây giờ người ta rất gần mình và thân thiện. CLB đã đem lại tinh thần cho các gia đình (Nữ, 67 tuổi, cán bộ nghỉ hưu, con trai nghiện ma tuý, CLB phường Trưng Vương, Thái Nguyên).

- Hàng xóm xung quanh xa lánh không ai nói chuyện. Lúc nào cũng khóc, chỉ biết khóc để giải toả nỗi buồn và bất hạnh cuộc đời mình phải chịu. Từ khi tham gia CLB, được gặp chị em cùng cảnh ngộ, chia sẻ vui buồn, thăm hỏi động viên tinh thần; bây giờ rất vui, không còn khóc nữa (Nữ, 61 tuổi, cán bộ nghỉ hưu, kinh tế nghèo, chồng và con trai nghiện, CLB phường Vĩnh Tuy, Hà Nội).

- Các hoạt động thăm hỏi giữa các thành viên, thăm quan du lịch đã tạo cuộc sống cá nhân vui tươi, yêu đời và lạc quan về cuộc sống (Nữ, 57 tuổi, CLB phường Cao Thắng, Quảng Ninh).

- Tăng sự chia sẻ, thân mật hơn. Mỗi người ở một khu không biết nhau. Khi tham gia sinh hoạt biết nhau, chia sẻ vướng mắc và gần gũi nhau hơn (Thảo luận nhóm Ban chủ nhiệm CLB, nữ, 64 tuổi, con trai nghiện ma tuý, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội).

Thông tin trên cho thấy các hoạt động tuyên truyền, giao lưu, đặc biệt là hoạt động thăm hỏi của CLB đối với các thành viên đã có ảnh hưởng rất lớn đến việc cải thiện đời sống tâm lý tinh thần của phụ nữ cao tuổi. Những thay đổi này giúp họ ổn định tâm lý và tự tin hơn trong cuộc sống. Đây có thể được xem là kết quả ngoài mong đợi của dự án đặt ra ban đầu.

3.7. Bổ sung kinh nghiệm nuôi dạy con cái

Tham gia các hoạt động của CLB đồng cảm, phụ nữ không chỉ được cải thiện tinh thần mà họ còn được bổ sung thêm nhiều kinh nghiệm bổ ích về chăm sóc và dạy bảo con cái thông qua các cơ hội tiếp xúc và trao đổi với các thành viên trong CLB. Các dẫn chứng phỏng vấn sau sẽ phản ánh rõ hơn về điều này.

Hộp 3. Chia sẻ kinh nghiệm nuôi dạy con giữa các TVCLB

- Từ ngày vào CLB, tinh thần phấn chấn, tự tin hơn, chị em chia sẻ buồn vui. Mình có thêm hiểu biết về các bệnh xã hội, cách phòng tránh và cư xử với con cái kiềm chế, tâm lý hơn, không mặc cảm. Trước đây mình nóng tính, quát tháo. Bây giờ mình hiểu biết tâm lý con. Biết cách ứng xử để "sống chung với lũ" (Nữ, 64 tuổi, con trai nghiện ma tuý và mất năm 2008, CLB phường Vĩnh Tuy, Hà Nội).

- Tham gia CLB tôi được hưởng rất nhiều, ốm đau thì cũng hỏi thăm nhau, giao lưu trao đổi cách cư xử với con cái. Nhận thức của người xung quanh, cộng đồng cũng có nhiều thiện cảm với mình. Nhiều người xung quanh thấy con mình đang có vấn đề gì thì họ đến bảo. Chính vì vậy, mình phải nói thật không nên che dấu về thực tế của con mình (Nữ, 55 tuổi, con trai nghiện đang tự cai tại nhà, CLB phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên).

- Vào CLB mình chia sẻ kinh nghiệm dạy bảo con, mình biết lúc nào cứng, lúc nào mềm (Nữ, 55 tuổi, con trai nghiện đang tự cai tại nhà, CLB phường Cao Thắng, Quảng Ninh).

Các thông tin trên tiếp tục cho thấy những lợi ích mà CLB đem lại cho các thành viên tham gia CLB đồng cảm. Những thành viên trong CLB, đặc biệt là phụ nữ có thân nhân nhiễm HIV hoặc nguy cơ cao tham gia giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm thực tế về nuôi dạy con cái... Đây có thể được xem là những kết quả rất tốt của CLB. Kết quả này sẽ góp phần nâng cao kiến thức CSSK cũng như giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm, nghiện và tái nghiện trong cộng đồng.

3.8. Nâng cao hiểu biết về chính sách xã hội và các quyền khác

Một hoạt động rất quan trọng của Dự án là tổ chức các buổi tập huấn/nói chuyện về các vấn đề liên quan đến quyền lợi của nhóm xã hội yếu thế trong cộng đồng, như quyền của NCT, quyền của phụ nữ, quyền của người nhiễm HIV/AIDS... Các buổi tập huấn/nói chuyện đã thu hút đông đảo thành viên trong CLB tham dự. Tập huấn, nghe nói chuyện về giới: có 3.284 người được phỏng vấn (94,2%) trả lời có tham gia, 38 người (1,1%) không tham gia, và 152 người (4,4%) không nhớ. Tập huấn, nghe nói chuyện về quyền của NCT: 3.332 người (95,6%) có tham gia, 52 người (1,5%) không tham gia, và 97 người (2,8%) không nhớ. Tập huấn, nghe nói chuyện về quyền của người nhiễm HIV: có 3.278 người được hỏi (94%) cho biết có tham gia, 90 người (2,6%) không tham gia, và 112 người (3,2%) không nhớ. Tập huấn, nghe nói chuyện về quyền phụ nữ: có 2.911 người (chiếm 83,5%) cho biết có tham gia, 205 người (5,9%) không tham gia, và 343 người (9,8%) không nhớ. Tập huấn, nghe nói chuyện về các quyền khác: có 1.640 người (47%) cho biết có tham gia, 602 người (17,3%) không tham gia, và 1.124 người (32,2%) không nhớ. Tập huấn, nghe nói chuyện về các vấn đề của NCT (tình hình của NCT, đặc điểm của NCT, luật pháp, chính sách liên quan...) có 3.357 người (96,3%) cho biết có tham gia, 44 người (1,3%) không tham gia, và 63 người (1,8%) không nhớ.

Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy các buổi tập huấn, nghe nói chuyện về các chủ đề liên quan đến quyền của nhóm xã hội yếu thế đã thu hút sự quan tâm và tham gia đông đảo của thành viên trong CLB. Đây có thể được xem là hoạt động rất bổ ích và thiết thực đối với TVCLB. Điều quan trọng hơn là sự kiện này chắc chắn sẽ tác động đến nhận thức và hiểu biết về chính sách xã hội của các TVCLB.

3.9. Tăng cường sự tham gia của các nhóm xã hội và sự cố kết cộng đồng

Thiết kế dự án không chỉ có sự tham gia của đối tượng hưởng lợi dự án mà còn có sự tham gia của đại diện chính quyền, ban ngành đoàn thể, quần chúng (tình nguyện viên) ở địa phương vào các hoạt động của Dự án như tuyên truyền, thăm hỏi, tham gia sinh hoạt và tư vấn về quản lý CLB... Khi hỏi nhóm cán bộ lãnh đạo các địa phương hưởng lợi dự án về sự tham gia của họ vào các hoạt động dự án trong thời gian qua như thế nào? Kết quả cho thấy những hoạt động của họ như sau: tạo điều kiện cho CLB hoạt động (81,3%); hỗ trợ kỹ thuật, chuyên môn (53,1%); hỗ trợ tiền (21,9%); hỗ trợ khác (53,1%). Các hoạt động của Dự án mà họ tham gia chủ yếu là các hoạt động của CLB (84,4%), trong đó: tuyên truyền (56,3%), tư vấn (53,1%), thăm hỏi động viên (50%), dự sinh hoạt CLB (43,8%), chỉ đạo và cho ý kiến (28,1%), tập huấn (12,5%), tìm nguồn tài trợ (3,1%), hoạt động khác (25%).

Bảng theo dõi các nguồn lực do các CLB vận động được của Dự án cho thấy Dự án đã thành công trong việc nâng cao năng lực vận động nguồn lực cho các thành viên Ban chủ nhiệm. Rất nhiều nguồn lực, bằng tiền và hiện vật, do các cán bộ Ban chủ nhiệm CLB vận động từ các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, nhà chùa, các hoạt động tăng thu nhập chung của CLB... Tính đến tháng 6 năm 2009, 67 câu lạc bộ của Dự án đã vận động được số tiền là 787.909.834 đồng và một số lượng lớn các hiện vật khác nhằm hỗ trợ cho các TVCLB và gia đình họ cũng như các thành viên khác trong cộng đồng. Như vậy, ngoài nguồn tiền của Dự án, các CLB đã trở thành các cánh tay nối dài của Dự án để vươn đến các thành phần khác nhau trong xã hội, tạo sự chia sẻ, cảm thông, giúp đỡ lẫn nhau, và sự gắn kết, tương thân tương ái trong cộng đồng.

Tham gia của tình nguyện viên

Các tình nguyện viên của 4 địa phương tham gia vào CLB đồng cảm vì nhiều nguyên nhân khác nhau: muốn giúp đỡ người khác (96%), được người khác đề nghị (64%), làm cho vui (22%) và lý do khác (0,4%).

Có nhiều hoạt động tình nguyện khác nhau. Trong số 100 tình nguyện viên tại 4 địa phương thuộc dự án được phỏng vấn, hoạt động tình nguyện viên tham gia nhiều nhất là tuyên truyền, vận động (86,9%), tiếp đến là tư vấn - 77,0%, trò chuyện, giúp đỡ việc nhà - 59%, CSSK - 51%, đào tạo tập huấn hoặc trợ giúp - 31%, việc khác - 8%.

Kết quả phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm trích dẫn dưới đây sẽ cho thấy rõ hơn về sự tham gia của chính quyền và ban ngành vào các hoạt động của dự án.

Hộp 4. Sự tham gia của chính quyền và ban ngành vào hoạt động của dự án

<table>
<tr><td colspan="2">Nữ, 56 tuổi, con trai đang nghiện ma tuý, cai tại nhà, kinh tế trung bình, CLB phường Vĩnh Tuy, Hà Nội.</td></tr>
<tr><td>Trước dự án
- Cộng đồng và chính quyền đứng ngoài cuộc, không quan tâm đến đối tượng, gia đình.
- Trước đây chưa có CLB thì ban ngành không đến; họ mặc cảm với mình.</td><td>Sau dự án
- Họ chia sẻ, quan tâm, thông cảm với chúng tôi.
- Bây giờ thì khác rồi. Chính quyền ban ngành hiểu biết hơn và thông cảm với hoàn cảnh gia đình mình.</td></tr>
<tr><td colspan="2">Tham gia của Ban ngành đoàn thể
- Những hoạt động của Dự án không chỉ tác động đến người dân mà còn tác động mạnh mẽ đến nhận thức của chính quyền ở đây. Cụ thể là chính quyền có trách nhiệm hơn với đối tượng HIV, động viên thăm hỏi (Nữ, 49 tuổi, thảo luận nhóm CLB Số 5, Thái Nguyên).
- Những năm đầu chính quyền thờ ơ, không để ý quan tâm đến CLB. Chúng tôi đấu tranh mãi và cách đây 1 năm chính quyền phường đã thay đổi nhận thức, quan điểm và đưa CLB vào danh sách các tổ chức xã hội của phường. Hiện nay chúng tôi được tham gia họp giao ban, được bình xét thi đua. Gần đây nhất 2 ông Chủ nhiệm CLB được Phường cho đi nghỉ mát ở Tuần Châu. Tóm lại, chính quyền đã thay đổi cách nhìn (Nữ, thảo luận nhóm Ban chủ nhiệm CLB phường Quang Trung, Thái Nguyên).</td></tr>
</table>

Như vậy, những dẫn chứng và phân tích trên cho thấy Dự án đã thu hút sự tham gia của các nhóm xã hội, đặc biệt là sự quan tâm của chính quyền, ban ngành đoàn thể và nhóm tình nguyện viên vào các hoạt động của Dự án và CLB đồng cảm. Sự tham gia của họ đã góp phần không nhỏ vào sự thành công của Dự án. Tuy nhiên, mức độ tham gia của họ còn hạn chế do những tình nguyện viên là cán bộ ban ngành đoàn thể tham gia kiêm nhiệm nhiều việc của phường xã, thiếu thời gian và dẫn đến thực hiện chưa tốt chức năng nhiệm vụ. Tình nguyện viên của CLB đồng cảm phần lớn mới chỉ gồm những đối tượng kinh tế khó khăn. Đối tượng kinh tế khá giả thì chưa tham gia. Do đó, cần phải đa dạng hóa hình thức tham gia cho mọi đối tượng trong xã hội.

4. Một vài kết luận

Những dẫn chứng và phân tích trên đã cho thấy rất rõ những tác động của Dự án đến thay đổi đời sống của nhóm xã hội yếu thế ở các địa phương trong vùng Dự án. Cụ thể là thay đổi trong hoạt động kinh tế, CSSK thể chất, tinh thần của nhóm xã hội yếu thế, sự thay đổi nhận thức, thái độ và sự tham gia của các nhóm xã hội khác trong cộng đồng vào các vấn đề liên quan đến đời sống của nhóm xã hội yếu thế tại các địa phương Dự án triển khai.

Về hoạt động kinh tế, thông qua mô hình quỹ tín dụng vi mô và các hoạt động tư vấn về vay vốn đã giúp nhóm xã hội yếu thế (ở đây là phụ nữ, NCT có thân nhân bị nhiễm HIV/AIDS) tiếp cận nguồn vốn vay, thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh để từ đó nâng cao nguồn thu nhập, chi tiêu và cải thiện cuộc sống của hộ gia đình.

Hoạt động tập huấn, tuyên truyền về CSSK của Dự án và CLB đã giúp nhóm xã hội yếu thế thay đổi nhận thức, kiến thức CSSK cho bản thân và gia đình. Điều quan trọng hơn là thông qua hoạt động này cũng đã góp phần cải thiện sức khỏe thể lực và tinh thần của thành viên, gia đình nhóm xã hội yếu thế ở các cộng đồng hưởng lợi dự án. Hơn thế, cũng thông qua tuyên truyền các văn bản, luật pháp chính sách của Đảng và Nhà nước được quán triệt, phổ biến tốt hơn đến người dân và các nhóm xã hội thiệt thòi ở địa phương.

Một sự chuyển biến quan trọng khác cũng cần phải nhắc đến là sự thay đổi nhận thức, thái độ, quan tâm và sự tham gia của các nhóm xã hội khác trong cộng đồng vào các vấn đề liên quan đến đời sống của nhóm xã hội yếu thế. Ở đây cần nhấn mạnh đến sự quan tâm và tham gia của các cấp chính quyền, đặc biệt là chính quyền ban ngành đoàn thể cấp cơ sở đã tham gia vào các hoạt động thăm hỏi, tư vấn, hỗ trợ cho các hoạt động của Dự án mà nhóm xã hội yếu thế được hưởng lợi. Điều này góp phần tăng cường, củng cố sự tương thân tương ái, đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau giữa các nhóm xã hội trong cộng đồng.

Có thể nói, các hoạt động của dự án có sự tham gia của cộng đồng không chỉ đem lại những lợi ích trước mắt mà còn mang lại nhiều kết quả thiết thực lâu dài cho các nhóm xã hội trong các cộng đồng hưởng lợi dự án, đặc biệt là nhóm yếu thế. Các hoạt động này sẽ và tiếp tục phát huy hiệu quả tại các địa phương hưởng lợi dự án cho dù dự án đã kết thúc và không còn nguồn tài trợ. Mô hình Dự án có thể được mở rộng, nhân rộng ra các địa phương, vùng miền trên phạm vi cả nước.

Kết quả nghiên cứu này được xem là bằng chứng sống động về thành công của Dự án có tham gia của cộng đồng trong việc cải thiện cuộc sống các nhóm yếu thế trong cộng đồng hiện này. Nó cũng được xem là cách tiếp cận mới với kết quả rất đáng lưu ý đối với giới nghiên cứu, phát triển cộng đồng và lập chính sách ở nước ta hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo khảo sát cơ bản ban đầu Dự án VIE 011 năm thứ nhất.

2. Báo cáo đánh giá dự án Dự án VIE 011 năm thứ hai.

3. Báo cáo đánh giá dự án Dự án VIE 011 năm thứ ba.

4. Các báo cáo tường thuật các năm Dự án VIE 011.

5. Cẩm nang 1: Mô hình Câu lạc bộ Đồng cảm Người cao tuổi - Thành lập và vận hành.

6. Cẩm nang 3: Một số quy định hướng dẫn về quản lý dành cho Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ Đồng cảm Người cao tuổi.

7. Số liệu khảo sát định lượng đánh giá cuối kỳ Dự án VIE 011.

8. Số liệu khảo sát định tính đánh giá cuối kỳ Dự án VIE 011.

Tiết mục biểu diễn của các thiếu nữ người Mường trong Hội diễn nghệ thuật quần chúng (huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình)

Ảnh: Khánh Vân